

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý IV/2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản và Quyết định số 172/2006/QĐ-TTg ngày 25/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ đổi tên là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT ngày 08/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v ban hành Quy chế quản lý văn bằng tốt nghiệp THCS, THPT, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 206 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 72 sinh viên vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K53 2011-2015	K54 2012-2016	K55 2032-2017	K56 2014-2018	K57 2015-2019	K58 2016-2020	Cộng
1	Quản lý thủy sản	-	-	-	01	03	-	04
2	Công nghệ chế tạo máy	-	-	-	02	05	-	07
3	Kỹ thuật cơ khí	-	-	-	01	06	-	07
4	Kỹ thuật cơ điện tử	-	-	-	02	05	-	07
5	Kỹ thuật nhiệt	-	-	-	01	09	-	10
6	Công nghệ kỹ thuật hóa học	-	-	-	-	06	-	06
7	Công nghệ thực phẩm	-	01	01	01	11	-	14
8	Công nghệ chế biến thủy sản	-	01	-	01	04	-	06
9	Kinh tế	-	-	-	-	06	-	06
10	Quản trị kinh doanh	01	-	01	02	26	-	30
11	Kinh doanh thương mại	-	-	-	02	12	-	14
12	Quản lý nguồn lợi thủy sản	-	-	-	-	02	-	02
13	Nuôi trồng thủy sản	-	-	-	01	09	01	11
14	Bệnh học thủy sản	-	-	-	01	01	-	02

(Chữ ký)

TT	Ngành tốt nghiệp	K53 2011-2015	K54 2012-2016	K55 2013-2017	K56 2014-2018	K57 2015-2019	K58 2016-2020	Cộng
15	Hệ thống thông tin quản lý	-	-	-	-	01	-	01
16	Công nghệ thông tin	01	-	01	03	08	-	13
17	Kỹ thuật tàu thủy	-	-	-	-	02	-	02
18	Kỹ thuật ô tô	-	-	-	-	04	-	04
19	Khoa học hàng hải	-	-	-	-	03	-	03
20	Công nghệ sinh học	-	-	-	-	06	-	06
21	Kỹ thuật môi trường	-	-	-	-	05	-	05
22	Ngôn ngữ Anh	-	-	-	-	06	-	06
23	Tài chính – Ngân hàng	-	-	-	-	05	-	05
24	Kế toán	-	-	-	02	05	-	07
25	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	-	04	03	16	-	23
26	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	-	-	-	01	-	01
27	Kỹ thuật xây dựng	-	-	01	02	01	-	04

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K55 2013-2016	K56 2014-2017	K57 2015-2018	K58 2016-2019	Cộng
1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	-	01	-	-	01
2	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	-	-	01	04	05
3	Công nghệ chế biến thủy sản	-	-	03	-	03
4	Công nghệ thực phẩm	01	-	03	07	11
5	Kinh doanh thương mại	-	-	01	07	08
6	Quản trị kinh doanh	-	-	05	-	05
7	Nuôi trồng thủy sản	-	-	02	01	03
8	Công nghệ thông tin	-	01	-	02	03
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	-	-	03	03	06
10	Công nghệ sinh học	-	-	01	-	01
11	Kế toán	-	-	02	07	09
12	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	02	-	-	09	11
13	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	-	01	04	05
14	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	-	-	-	01	01

Điều 2. Trưởng phòng, khoa, viện liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTĐH.



Trang Pi Trung



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ IV NĂM 2019
Theo Quyết định số 1394 /QĐ-ĐHNT ngày 21 / 10 /2019
Loại hình đào tạo: **Đại học chính quy**

1. Quản lý thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56132404	Trần Thị Bích Quyên	01/04/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56.QLTS	2014-2018
2	57130404	Trần Thị Kim Trang	21/07/1997	Bình Định	Nữ	Khá	57.QLTS-1	2015-2019
3	57132573	Thái Phương Trình	13/12/1997	Cà Mau	Nữ	Khá	57.QLTS-1	2015-2019
4	57131574	Nguyễn Thị Thu Hằng	11/04/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.QLTS-2	2015-2019

Danh sách có 04 sinh viên

2. Công nghệ chế tạo máy

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56130882	Lê Văn Cường	09/01/1995	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	56.CTM	2014-2018
2	56131681	Nguyễn Xuân Hiền	15/07/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.CTM	2014-2018
3	57130193	Đoàn Công Danh	14/03/1997	Quảng Nam	Nam	Khá	57.CTM	2015-2019
4	57131181	Nguyễn Thành Long	19/09/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CTM	2015-2019
5	57130397	Lê Quang Quý	22/02/1997	Bình Định	Nam	Trung bình	57.CTM	2015-2019
6	57132235	Nguyễn Đức Thắng	14/11/1994	Bình Định	Nam	Khá	57.CTM	2015-2019
7	57132502	Nguyễn Trọng Thương	05/09/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CTM	2015-2019

Danh sách có 07 sinh viên

3. Kỹ thuật cơ khí

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56130408	Phạm Hữu Đặng	24/04/1996	Gia Lai	Nam	Khá	56.KTCK	2014-2018
2	57132328	Phan Văn Anh	09/03/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
3	57130449	Nguyễn Văn Hiệp	16/02/1997	Gia Lai	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
4	57131002	Võ Huy Hợp	06/09/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
5	57130233	Nguyễn Đình Luật	11/02/1996	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
6	57130239	Nguyễn Văn Năm	26/12/1996	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019
7	57130281	Nguyễn Văn Toán	13/02/1997	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	57.KTCK	2015-2019

Danh sách có 07 sinh viên

4. Kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56136739	Phạm Kim	05/08/1995	Quảng Nam	Nam	Trung bình	56.CDT	2014-2018
2	56130693	Trần Thế Nam Phi	24/04/1996	Phú Yên	Nam	Trung bình	56.CDT	2014-2018
3	57130463	Võ Văn Quốc	14/08/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.CDT	2015-2019
4	57130637	Nguyễn Văn Thần	14/04/1997	Phú Yên	Nam	Khá	57.CDT	2015-2019
5	57131086	Lại Minh Trung	08/03/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CDT	2015-2019
6	57130461	Phan Nhật Trường	02/08/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.CDT	2015-2019
7	57130605	Trương Văn Xấn	18/02/1997	Phú Yên	Nam	Khá	57.CDT	2015-2019

Danh sách có 07 sinh viên

105



5. Kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ và tên	Quốc	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56130023	Bùi Thanh	Quốc	15/12/1996	Nam Định	Nam	Trung bình	56.CNNL	2014-2018
2	57130839	Phạm Thành	Chung	01/11/1996	Thái Bình	Nam	Trung bình	57.NL	2015-2019
3	57131864	Nguyễn Minh	Đại	20/07/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.NL	2015-2019
4	57130660	Võ Minh	Duy	12/12/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.NL	2015-2019
5	57131861	Nguyễn Thanh	Huy	15/09/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.NL	2015-2019
6	57130853	Ngô Công	Minh	07/07/1997	Bình Định	Nam	Khá	57.NL	2015-2019
7	57132268	Đỗ Thành	Phương	16/10/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.NL	2015-2019
8	57132002	Hồ Nhật	Quỳnh	13/10/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.NL	2015-2019
9	57130364	Đỗ Hoài	Thương	10/05/1997	Bình Định	Nam	Khá	57.NL	2015-2019
10	57130786	Thái Văn	Trung	15/09/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.NL	2015-2019

Danh sách có 10 sinh viên

6. Công nghệ kỹ thuật hóa học

TT	Mã SV	Họ và tên	Quốc	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57137286	Trần Thị Xuân	Nhi	25/06/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	57.CNHH-1	2015-2019
2	57130003	Thị Thị Thiên	Thu	12/02/1997	Đà Nẵng	Nữ	Khá	57.CNHH-2	2015-2019
3	57130729	Đặng Thị Lệ	Thu	11/09/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.CNHH-2	2015-2019
4	57131539	Hồ Phúc Hoàng	Trí	04/03/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNHH-2	2015-2019
5	57137215	Ngô Đức	Vinh	05/12/1996	Đắk Lắk	Nam	Khá	57.CNHH-2	2015-2019
6	57132178	Lê Nguyễn Tường	Vy	24/03/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNHH-2	2015-2019

Danh sách có 06 sinh viên

7. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Quốc	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54130622	Phạm Duy	Khang	27/02/1994	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	54.CNTP-1	2012-2016
2	55130998	Hoàng Thị	Mai	15/06/1995	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.CNTP-1	2013-2017
3	56130491	Nguyễn Hồng	Đức	02/01/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56.CNTP-3	2014-2018
4	57130944	Lê Thị Ngọc	Bích	02/11/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNTP-1	2015-2019
5	57131947	Phạm Thị Mỹ	Huệ	20/01/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNTP-1	2015-2019
6	57131523	Huỳnh Văn	Hùng	03/07/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNTP-1	2015-2019
7	57130905	Nguyễn Thị Thu	Hương	11/04/1997	Đắk Lắk	Nữ	Khá	57.CNTP-1	2015-2019
8	57130739	Bùi Lê Hằng	Nga	18/11/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.CNTP-2	2015-2019
9	57131173	Dương Thị Anh	Phương	26/01/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNTP-2	2015-2019
10	57132282	Trần Hoàng	Quốc	01/12/1996	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNTP-2	2015-2019
11	57130098	Nguyễn Thị	Thùy	30/03/1997	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	57.CNTP-2	2015-2019
12	57132310	Trần Thị Thùy	Trang	20/11/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNTP-3	2015-2019
13	57131426	Nguyễn Thị Kiều	Trình	01/11/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNTP-3	2015-2019
14	57132483	Phan Võ Minh	Tú	20/12/1997	Lâm Đồng	Nữ	Khá	57.CNTP-3	2015-2019

Danh sách có 14 sinh viên



8. Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54131860	Nguyễn Thị Quỳnh Như	03/04/1994	Phú Yên	Nữ	Khá	54.CBTS	2012-2016
2	56130373	Trần Thị Thu Tiệm	12/03/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56.CBTS	2014-2018
3	57131806	Võ Tấn Hiệp	15/02/1995	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CBTS	2015-2019
4	57130686	Trần Thị Nhớ	19/12/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.CBTS	2015-2019
5	57130051	Nguyễn Văn Thùy	10/10/1997	Nghệ An	Nam	Khá	57.CBTS	2015-2019
6	57132035	Võ Thị Ngọc Trinh	19/04/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CBTS	2015-2019

Danh sách có 06 sinh viên

9. Kinh tế

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57131030	Nguyễn Thị Thanh Bình	17/10/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.KTNN	2015-2019
2	57130589	Trần Đức Chính	16/04/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.KTNN	2015-2019
3	57132137	Ngô Khả Hân	06/06/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KTNN	2015-2019
4	57132351	Trần Thị Ngọc Lan	04/06/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.KTNN	2015-2019
5	57130665	Bùi Thị Nữ	25/11/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.KTNN	2015-2019
6	57132143	Nguyễn Ngọc Trần	22/02/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KTNN	2015-2019

Danh sách có 06 sinh viên

10. Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	53130403	Trần Lê Ngọc Hà	27/05/1992	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	53.QTKD-1	2011-2015
2	54131859	Đặng Tuấn Hưng	05/12/1994	Khánh Hòa	Nam	Khá	55.QTKD-2	2013-2017
3	56131637	Phạm Tùng Linh	02/12/1996	Khánh Hòa	Nữ	Khá	56.QTKD-1	2014-2018
4	56132318	Trần Ngọc Thành	06/11/1996	Khánh Hòa	Nam	Khá	56.QTKD-2	2014-2018
5	57132149	Phan Lê Thị Ngọc Bích	16/04/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
6	57131027	Phạm Văn Chính	23/11/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
7	57130685	Lương Thị Duyên	20/07/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
8	57131721	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	12/03/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
9	57130935	Nguyễn Thị Thu Hiền	01/12/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
10	57132412	Đoàn Minh Hòa	26/07/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
11	57130826	Phan Thị Thanh Huyền	16/05/1996	Quảng Bình	Nữ	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
12	57131618	Trần Ngọc Huyền	14/06/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.QTKD-1	2015-2019
13	56130494	Thái Thị Mỹ Khương	09/08/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
14	57130437	Đặng Khánh Linh	24/11/1996	Gia Lai	Nữ	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
15	57132048	Đinh Văn Minh	22/12/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
16	57130242	Lê Thị Bích Ngọc	23/02/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
17	57130667	Phan Ánh Nguyệt	18/06/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
18	57131713	Trần Thị Hồng Nhi	25/06/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
19	57131506	Huỳnh Hoài Nữ	03/08/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
20	57131662	Đặng Tú Quỳnh	27/11/1997	Thái Bình	Nữ	Khá	57.QTKD-1	2015-2019
21	57132180	Trần Thị Như Đài	29/10/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTKD-2	2015-2019



10. Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
22	57131055	Lê Quang Hòa	05/01/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.QTKD-2	2015-2019
23	57131516	Lê Thị Như Thạch	22/05/1997	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	57.QTKD-2	2015-2019
24	57131731	Nguyễn Thị Thanh Thủy	07/11/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTKD-2	2015-2019
25	57130676	Huỳnh Thị Việt Trinh	11/12/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.QTKD-2	2015-2019
26	57130399	Nguyễn Văn Trường	02/04/1997	Bình Định	Nam	Khá	57.QTKD-2	2015-2019
27	57131594	Lê Thị Tuyết Vi	21/03/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTKD-2	2015-2019
28	57131530	Võ Mai Quỳnh Vy	25/09/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTKD-2	2015-2019
29	57130682	Nguyễn Thị Phụng	10/10/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.QTKDP	2015-2019
30	57132531	Tăng Nguyễn Ái Tín	31/08/1997	Ninh Thuận	Nữ	Khá	57.QTKDP	2015-2019

Danh sách có 30 sinh viên

11. Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56135193	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	10/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56.KDTM-1	2014-2018
2	56132323	Nguyễn Hồng Nhã	13/09/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.KDTM-1	2014-2018
3	57137360	Phan Thị Dung	12/01/1997	Thừa Thiên Huế	Nữ	Khá	57.KDTM-1	2015-2019
4	57132239	Hồ Thị Thu Hòa	17/06/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KDTM-1	2015-2019
5	57131018	Lê Thị Mỹ Ly	14/05/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KDTM-1	2015-2019
6	57131617	Ngô Thị Mỹ Ngọc	28/01/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KDTM-1	2015-2019
7	57131972	Nguyễn Thúy Ngọc	24/05/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KDTM-1	2015-2019
8	57131075	Phạm Thị Kiều Oanh	26/05/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KDTM-2	2015-2019
9	57131586	Phạm Thị Kim Quyên	25/08/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KDTM-2	2015-2019
10	57131151	Đặng Thị Như Quỳnh	16/07/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KDTM-2	2015-2019
11	57131176	Mã Thành Tâm	15/02/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KDTM-2	2015-2019
12	57131312	Phạm Thị Ngọc Trang	08/09/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KDTM-2	2015-2019
13	57132223	Ngô Thị Trung Trang	14/08/1996	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KDTM-2	2015-2019
14	57131423	Võ Khang Uyên	15/08/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KDTM-2	2015-2019

Danh sách có 14 sinh viên

12. Quản lý nguồn lợi thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57137055	Trần Thái Ngọc Hân	06/05/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QLNL	2015-2019
2	57132064	Huỳnh Trí Quang	10/10/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.QLNL	2015-2019

Danh sách có 02 sinh viên

13. Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56132030	Nguyễn Xuân Trường	10/08/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.NTTS-2	2014-2018
2	57131361	Phạm Quốc Bảo	03/07/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.NTTS-1	2015-2019
3	57132523	Thành Thị Mỹ Duyên	24/04/1997	Ninh Thuận	Nữ	Khá	57.NTTS-1	2015-2019
4	57137408	Lê Hoàng Hào	04/10/1997	Gia Lai	Nam	Trung bình	57.NTTS-1	2015-2019
5	57130047	Lê Thị Hiếu	19/04/1997	Nghệ An	Nữ	Khá	57.NTTS-1	2015-2019



13. Nursing thủy sản

13. Danh sách thí sinh									
ĐẠI HỌC		Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
6	57132530	Phạm Cao Xuân	Hoàng	27/12/1997	Ninh Thuận	Nam	Khá	57.NTTS-1	2015-2019
7	57137297	Ngô Thị	Linh	06/06/1997	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	57.NTTS-1	2015-2019
8	57137077	Đạo Vũ	Luân	19/05/1997	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	57.NTTS-1	2015-2019
9	57130149	Bùi Văn	Lưu	01/07/1997	Quảng Trị	Nam	Trung bình	57.NTTS-1	2015-2019
10	57132561	Nguyễn Thái	Ngọc	15/11/1997	Bình Thuận	Nam	Khá	57.NTTS-1	2015-2019
11	58132872	Lại Văn	Dực	09/01/1998	Nam Định	Nam	Khá	58.NTTS-2	2016-2020

Danh sách có 11 sinh viên

14. Bệnh học thủy sản

14. Bệnh học thủy sản								
TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56136004	Hồ Thị Hồng Hà	14/01/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.BHTS	2014-2018
2	57132507	Nguyễn Anh Tú	13/05/1997	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	57.BHTS	2015-2019

Danh sách có 02 sinh viên

15. Hệ thống thông tin quản lý

15. Hệ thống thông tin quản lý									
TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học	
1	57132245	Mai Hoàng	Nam	11/06/1997	Hồ Chí Minh	Nam	Trung bình	57.TTQL	2015-2019

Danh sách có 01 sinh viên

16. Công nghệ thông tin

16. Công nghệ thông tin									
TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	53130218	Mai	Dương	25/09/1993	Phú Yên	Nam	Trung bình	53.CNTT	2011-2015
2	55133740	Ngô Việt	Tân	19/02/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNTT-2	2013-2017
3	56133024	Trần Thị	Linh	13/09/1996	Nghệ An	Nữ	Trung bình	56.CNTT-1	2014-2018
4	56130225	Lê Bá	Nhạn	29/02/1996	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	56.CNTT-1	2014-2018
5	56136121	Nguyễn Văn	Trung	19/01/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.CNTT-2	2014-2018
6	57132360	Nguyễn Trần Đức	Duy	09/10/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNTT-1	2015-2019
7	57131103	Nguyễn Ngọc	Hoài	21/02/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNTT-1	2015-2019
8	57137390	Nguyễn Quang	Lâm	12/10/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNTT-1	2015-2019
9	57131994	Phan Hoàng	Long	07/06/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNTT-1	2015-2019
10	57131068	Huỳnh	Mẫn	16/11/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNTT-1	2015-2019
11	57137350	Lê Thị Hà	Thị	16/09/1997	Quảng Nam	Nữ	Khá	57.CNTT-2	2015-2019
12	57132027	Lê Thị Bích	Trâm	01/06/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNTT-2	2015-2019
13	57130246	Trần Văn	Tuấn	13/06/1997	Quảng Ngãi	Nam	Khá	57.CNTT-2	2015-2019

Danh sách có 13 sinh viên

17. Kỹ thuật tàu thủy

17. Kỹ thuật tàu thủy									
TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57130657	Lê Huy	Hoàng	07/09/1995	Phú Yên	Nam	Khá	57.KTTT-1	2015-2019
2	57132248	Trần Minh Lâm	Vũ	11/04/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KTTT-1	2015-2019

Danh sách có 02 sinh viên



18. Kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57132497	Đặng Ngọc Phát	17/05/1996	Ninh Thuận	Nam	Khá	57.CNOT-1	2015-2019
2	57130901	Nguyễn Thanh Huy	20/10/1996	Bình Định	Nam	Khá	57.CNOT-2	2015-2019
3	57130263	Trương Tam Phông	16/06/1996	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	57.CNOT-2	2015-2019
4	57132140	Nguyễn Trọng Việt	08/07/1996	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNOT-2	2015-2019

Danh sách có 04 sinh viên

19. Khoa học hàng hải

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57131620	Chu Minh Chiến	03/04/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.KHHH	2015-2019
2	57135013	Ngô Thị Xuân Dung	07/02/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KHHH	2015-2019
3	57132574	Nguyễn Hải Đăng	07/04/1995	Cà Mau	Nam	Khá	57.KHHH	2015-2019

Danh sách có 03 sinh viên

20. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57132299	Nguyễn Thị Thanh Hân	07/05/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNSH	2015-2019
2	57131676	Nguyễn Việt Hoàng	09/11/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNSH	2015-2019
3	57130276	Nguyễn Cửu Thành Lâm	26/12/1997	Quảng Ngãi	Nam	Khá	57.CNSH	2015-2019
4	57137034	Văn Tấn Thành	16/12/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNSH	2015-2019
5	57130471	Lê Thị Hồng Trúc	28/05/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
6	57132177	Nguyễn Thị Thảo Yên	04/05/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNSH	2015-2019

Danh sách có 06 sinh viên

21. Kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57131545	Nguyễn Quỳnh Anh	17/08/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNMT-1	2015-2019
2	57131258	Nguyễn Thị Thu Dung	30/04/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.CNMT-1	2015-2019
3	57131932	Phạm Tấn Đạt	14/10/1996	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNMT-2	2015-2019
4	57137158	Phạm Thị Hiền Nhi	02/03/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNMT-2	2015-2019
5	57130190	Trần Anh Tuấn	24/10/1996	Quảng Nam	Nam	Khá	57.CNMT-2	2015-2019

Danh sách có 05 sinh viên

22. Ngôn ngữ Anh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57137388	Nguyễn Thị Phương Anh	30/11/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.NNA-1	2015-2019
2	57131413	Trần Thị Mai Khanh	04/01/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.NNA-1	2015-2019
3	57131288	Trịnh Hoài Niệm	09/11/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.NNA-3	2015-2019
4	57131840	Phạm Phương Trinh	08/03/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.NNA-4	2015-2019
5	57137037	Lê Thị Việt Trinh	31/08/1996	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.NNA-4	2015-2019
6	57131988	Hàng Lâm Tố Uyên	17/06/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.NNA-4	2015-2019

Danh sách có 06 sinh viên



23. Tài chính - Ngân hàng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57130525	Huỳnh Mỹ Kim	07/06/1997	Phú Yên	Nữ	Trung bình	57.TCNH	2015-2019
2	57130630	Trần Thị Mỹ	16/05/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.TCNH	2015-2019
3	57137185	Nguyễn Thị Kim	17/07/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.TCNH	2015-2019
4	57131223	Trần Khánh	10/11/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.TCNH	2015-2019
5	57131318	Đinh Ngọc	26/04/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.TCNH	2015-2019

Danh sách có 05 sinh viên

24. Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56130888	Đàm Thiên Ân	16/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.KT-1	2014-2018
2	56131365	Nguyễn Khánh Linh	26/10/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56.KT-1	2014-2018
3	57130336	Trần Thị Ngọc Ngân	06/01/1997	Bình Định	Nữ	Khá	57.KT-2	2015-2019
4	57131305	Lý Thị Minh Thư	05/03/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.KT-2	2015-2019
5	57130007	La Tiểu Ngân	06/07/1997	Bình Định	Nữ	Khá	57.KT-3	2015-2019
6	57130896	Trương Thị Minh Thảo	06/01/1997	Đắk Lắk	Nữ	Khá	57.KT-3	2015-2019
7	57130072	Phạm Thị Thúy	22/01/1997	Nghệ An	Nữ	Khá	57.KT-3	2015-2019

Danh sách có 07 sinh viên

25. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55130016	Vũ Quỳnh An	26/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTDL-1	2013-2017
2	55132758	Phan Huy Khương An	13/08/1995	Lâm Đồng	Nam	Trung bình	55.QTDL-1	2013-2017
3	55130519	Nguyễn Thị Thu Hiền	21/03/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTDL-1	2013-2017
4	55131756	Đàm Thị Ánh Thi	04/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.QTDL-1	2013-2017
5	56131568	Đặng Phạm Diệu Trang	06/06/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56.QTDL-2	2014-2018
6	56139622	Trịnh Thu Hương	20/11/1996	Lâm Đồng	Nữ	Khá	56.QTDLP	2014-2018
7	56136291	Lê Nguyễn Thiên Phước	06/09/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56.QTDLP	2014-2018
8	57131998	Nguyễn Huy Hường	05/05/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.QTDL-1	2015-2019
9	57130973	Trần Vũ Anh Khoa	30/05/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.QTDL-1	2015-2019
10	57132485	Phạm Thị Thu Lâm	28/10/1997	Lâm Đồng	Nữ	Khá	57.QTDL-1	2015-2019
11	57130627	Võ Ngọc Phương Thảo Ly	15/08/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.QTDL-1	2015-2019
12	57131600	Vũ Thị Bích Ngọc	01/08/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTDL-1	2015-2019
13	57135008	Đặng Thùy Ngọc	25/04/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	57.QTDL-1	2015-2019
14	57135010	Đinh Thị Mỹ Nương	13/11/1997	Gia Lai	Nữ	Khá	57.QTDL-1	2015-2019
15	57132158	Trần Thị Thùy Dung	02/11/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTDL-2	2015-2019
16	57131914	Nguyễn Tấn Huy	20/06/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.QTDL-2	2015-2019
17	57131245	Châu Yến Nhi	26/07/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.QTDL-2	2015-2019
18	57131425	Nguyễn Thị Ngọc Thư	11/02/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTDL-2	2015-2019
19	57131058	Nguyễn Hoàng Khánh Trâm	10/07/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTDL-2	2015-2019
20	57131485	Phạm Thị Mỹ Vân	10/10/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTDL-2	2015-2019
21	57131606	Nguyễn Hoàng An	08/12/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.QTDLP	2015-2019
22	57131750	Nguyễn Thọ Nam	05/04/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.QTDLP	2015-2019
23	57132438	Thái Thị Quỳnh Nhi	07/10/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57.QTDLP	2015-2019

Danh sách có 23 sinh viên

**26. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử**

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57137048	Trần Gia Bảo	18/06/1997	Đồng Nai	Nam	Khá	57.DDT-2	2015-2019

Danh sách có 01 sinh viên

27. Kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55130631	Dương Duy Hoàng	01/01/1995	Thừa Thiên Huế	Nam	Trung bình	55.CNXD	2013-2017
2	56136100	Lưu Quốc Thịnh	28/01/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.CNXD	2014-2018
3	56130904	Đỗ Duy Tùng	21/07/1992	Khánh Hoà	Nam	Khá	56.CNXD	2014-2018
4	57131850	Nguyễn Ngọc Thiện	06/12/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNXD-2	2015-2019

Danh sách có 04 sinh viên

15.



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ IV NĂM 2019
Theo Quyết định số 1354/QĐ-ĐHNT ngày 21 / 10 /2019
Loại hình đào tạo: **Cao đẳng chính quy**

1. Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56161764	Nguyễn Văn Đông	15/08/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CDT	2014-2017

Danh sách có 01 sinh viên

2. Công nghệ kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57160854	Lê Bá Nghĩa	05/02/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57C.NL	2015-2018
2	58160743	Trần Vũ Huy	21/07/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.CNNL	2016-2019
3	58160752	Đỗ Thái Đình	01/09/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.CNNL	2016-2019
4	58160756	Võ Thái Phong	13/06/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.CNNL	2016-2019
5	58160769	Trần Văn Thuận	24/08/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58C.CNNL	2016-2019

Danh sách có 05 sinh viên

3. Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57160847	Nguyễn Thị Hương	13/05/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57C.CBTS	2015-2018
2	57160185	Nguyễn Anh Huy	02/09/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57C.CBTS	2015-2018
3	57167047	Kiều Anh Diệu	18/06/1997	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	57C.CBTS	2015-2018

Danh sách có 03 sinh viên

4. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55161631	Nguyễn Trường Đạt	23/10/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNTP-3	2013-2016
2	57160515	Thái Thị Hiệp	01/01/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57C.CNTP-1	2015-2018
3	57160056	Nguyễn Ngọc Nhựt	20/05/1997	Bình Định	Nam	Trung bình	57C.CNTP-1	2015-2018
4	57160867	Nguyễn Lê Phương Uyên	06/09/1996	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57C.CNTP-2	2015-2018
5	58160898	Nguyễn Trương Ngọc Anh	18/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58C.CNTP	2016-2019
6	58160931	Phạm Thị Thu Hương	04/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.CNTP	2016-2019
7	58160946	Huỳnh Nguyễn Hoài Mỹ	02/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.CNTP	2016-2019
8	58160960	Huỳnh Thị Phi Nhung	12/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58C.CNTP	2016-2019
9	58160984	Nguyễn Thị Kim Thảo	18/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.CNTP	2016-2019
10	58161206	Võ Thị Huỳnh Trâm	20/01/1998	Bình Định	Nữ	Trung bình	58C.CNTP	2016-2019
11	58160997	Huỳnh Thị Ngọc Trang	17/11/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	58C.CNTP	2016-2019

Danh sách có 11 sinh viên

5. Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57160551	Nguyễn Quang Huy	23/12/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57C.KDTM	2015-2018
2	58160227	Bùi Xuân Hiếu	07/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58C.KDTM	2016-2019
3	58160231	Phan Thị Ngọc Huyền	24/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.KDTM	2016-2019
4	58161191	Lê Thị Mỹ Linh	15/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58C.KDTM	2016-2019
5	58160260	Nguyễn Hồng Phúc	04/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58C.KDTM	2016-2019
6	58160264	Nguyễn Thanh Phương	28/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.KDTM	2016-2019
7	58160274	Nguyễn Thị Thảo	24/06/1998	Phú Yên	Nữ	Trung bình	58C.KDTM	2016-2019
8	58160476	Phan Thị Xuân Thư	15/04/1998	Phú Yên	Nữ	Trung bình	58C.KDTM	2016-2019

Danh sách có 08 sinh viên



6. Quản lý kinh doanh

TT	Mã SV	Họ và tên	Diễn	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57160106	Lê Thị Diễm		24/06/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Trung bình	57C.QTKD-1	2015-2018
2	57160117	Nguyễn Thị Quỳnh Như		24/08/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	57C.QTKD-1	2015-2018
3	56132626	Nguyễn Thị Gấm	Nhung	26/10/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	57C.QTKD-1	2015-2018
4	57160583	Trương Thị Phương Tâm		21/12/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57C.QTKD-2	2015-2018
5	57160639	Nguyễn Thị Minh Thi		10/01/1996	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57C.QTKD-2	2015-2018

Danh sách có 05 sinh viên

7. Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Diễn	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57160945	Lê Văn Bình		20/09/1997	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	57C.NTTS	2015-2018
2	57160013	Đặng Trọng Quân		28/02/1997	Nghệ An	Nam	Khá	57C.NTTS	2015-2018
3	58161175	Lê Lan Anh		17/05/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58C.NTTS	2016-2019

Danh sách có 03 sinh viên

8. Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ và tên	Diễn	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56161361	Đặng Hữu Hoàng		25/11/1995	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	56C.CNTT	2014-2017
2	58160565	Trần Công Ninh		04/04/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	58C.CNTT	2016-2019
3	58160582	Nguyễn Huỳnh Quốc Tuấn		05/03/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58C.CNTT	2016-2019

Danh sách có 03 sinh viên

9. Công nghệ kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ và tên	Diễn	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57160160	Phạm Quốc Huy	Hoàng	29/08/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	57C.CNOT	2015-2018
2	57160247	Nguyễn Duyên Thiên	Nhân	16/12/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57C.CNOT	2015-2018
3	57160819	Nguyễn Thái Nhật		17/04/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57C.CNOT	2015-2018
4	58160670	Nguyễn Hậu		10/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58C.CNOT	2016-2019
5	58160707	Bồ Bồ	Tâm	12/10/1997	Khánh Hoà	Nam	Khá	58C.CNOT	2016-2019
6	58160710	Đặng Ngọc Tín		12/07/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58C.CNOT	2016-2019

Danh sách có 06 sinh viên

10. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên	Diễn	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57160902	Trần Hoàng Yến	Nhi	29/03/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57C.CNSH	2015-2018

Danh sách có 01 sinh viên

11. Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Diễn	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57160048	Nguyễn Thị Thanh	Lý	10/03/1996	Bình Định	Nữ	Trung bình	57C.KT-1	2015-2018
2	57160179	Dương Thị Kiều	Oanh	13/04/1997	Phú Yên	Nữ	Trung bình	57C.KT-2	2015-2018
3	58160378	Lê Thị Liên		04/12/1998	Thái Bình	Nữ	Trung bình	58C.KT-1	2016-2019
4	58160437	Nguyễn Thị Như Quỳnh		09/10/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58C.KT-1	2016-2019
5	58160340	Nguyễn Thị Thanh	Giàu	09/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58C.KT-2	2016-2019
6	58160412	Lê Hoài Uyên	Nhi	04/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58C.KT-2	2016-2019
7	58160455	Lê Thu Thảo		25/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58C.KT-2	2016-2019
8	58161123	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	07/03/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.KT-2	2016-2019
9	58161125	Lê Thị Bảo Trân		14/06/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58C.KT-2	2016-2019

Danh sách có 09 sinh viên



12. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55162874	Nguyễn Thị Kim Nghĩa	14/08/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55C.QTDL	2013-2016
2	55163076	Nguyễn Văn Toàn	06/03/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55C.QTDL	2013-2016
3	58160043	Huỳnh Ngọc Hân	16/03/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58C.QTDL-1	2016-2019
4	58160051	Nguyễn Xuân Hón	06/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.QTDL-1	2016-2019
5	58160078	Ngô Thị Bích Linh	10/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58C.QTDL-1	2016-2019
6	58160178	Nguyễn Thị Tố Trâm	23/02/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58C.QTDL-1	2016-2019
7	58160197	Bùi Đức Việt	07/02/1998	Hà Tĩnh	Nam	Khá	58C.QTDL-1	2016-2019
8	58160032	Nguyễn Thanh Hà	23/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58C.QTDL-2	2016-2019
9	58161211	Nguyễn Thị Hoài Thu	05/10/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58C.QTDL-2	2016-2019
10	58160470	Trần Thị Thu Thùy	21/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58C.QTDL-2	2016-2019
11	58160152	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	28/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58C.QTDL-2	2016-2019

Danh sách có 11 sinh viên

13. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	57160180	Trần Phi Long	20/04/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57C.DDT	2015-2018
2	58160779	Lưu Gia Bảo	28/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58C.DDT	2016-2019
3	58160540	Nguyễn Văn Hòa	11/10/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58C.DDT	2016-2019
4	58160814	Nguyễn Tấn Nhất	27/05/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58C.DDT	2016-2019
5	58160824	Phạm Phước Tài	09/12/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.DDT	2016-2019

Danh sách có 05 sinh viên

14. Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	58160620	Nguyễn Hữu Hợp	11/07/1997	Khánh Hoà	Nam	Khá	58C.CN XD	2016-2019

Danh sách có 01 sinh viên

然